

Trà Vinh, ngày 21 tháng 02 năm 2020

Số: 01 /BC-BCĐ

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kiện toàn bộ máy, ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện:

- Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh giai đoạn 2016 – 2020 được củng cố, kiện toàn tại Quyết định số 4047-QĐ/TU ngày 25/10/2018 của Tỉnh ủy Trà Vinh với 31 thành viên và kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh với 25 thành viên (*kiêm nhiệm*). Theo đó cấp huyện, xã đã kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ phận giúp việc của cấp mình (*bình quân có 35 thành viên/BCĐ*).

- Song song đó, tỉnh đã ban hành trên 19 văn bản chỉ đạo uốn nắn, nhắc nhở, huy động nguồn lực để thực hiện chương trình đạt hiệu quả. Ngoài ra các Sở, ban ngành đã ban hành trên 14 văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể các tiêu chí theo ý kiến kết luận của Bí thư Tỉnh ủy. Bên cạnh, từng Sở, ngành ban hành kế hoạch thực hiện tiêu chí nông thôn mới do Sở, ngành phụ trách.

(Đính kèm PL 01)

2. Công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền:

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, công tác tuyên truyền, vận động luôn được quan tâm chỉ đạo, chú trọng đổi mới về nội dung và hình thức. Các cấp ủy, chính quyền và các ngành có tập trung triển khai thực hiện nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của toàn xã hội về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ý nghĩa, nội dung các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu; tiêu chuẩn xây dựng gia đình văn hóa, nông thôn mới, ấp văn hóa, ấp nông thôn mới. Các Sở, ban ngành tỉnh tập trung ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao thuộc lĩnh vực chuyên môn của ngành phụ trách và lồng ghép thực hiện tuyên truyền, vận động, tổng cộng trên 61.726 cuộc, với 2.450.922 lượt người tham dự; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tiếp tục cấp phát tài liệu tuyên truyền cho các địa phương, bao gồm: Tờ bướm tuyên truyền Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu cả 2 thứ tiếng kinh và khmer

(15.100 tờ); Tờ bướm tuyên truyền áp NTM kiểu mẫu cả 2 thứ tiếng kinh và khmer (15.500 tờ); Quyển thông tin xây dựng nông thôn mới (1.300 quyển); Sổ tay Bộ tiêu chí nông thôn mới (900 quyển); Phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện 24 phóng sự về xây dựng nông thôn mới.

- Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức lồng ghép, tuyên truyền về các tiêu chí nông thôn mới, tổng cộng được 8.152 cuộc, với 267.557 lượt người tham dự. Các nội dung tuyên truyền vận động người dân chủ yếu là các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới; nội dung 19 tiêu chí xã nông thôn mới; bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; các tiêu chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới; áp nông thôn mới kiểu mẫu; bộ tiêu chí vườn mẫu; tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; vận động chỉnh trang cảnh quang môi trường; xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...

(Đính kèm PL 02)

3. Công tác đào tạo tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp:

Trong năm, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương đã tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp với các nội dung như: Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, nội dung Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP),... tại các tỉnh Đồng Nai, Cần Thơ và Hà Nội.

Bên cạnh đó, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp với Ban Chỉ đạo các huyện, xã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ cấp huyện, xã được 44 lớp với trên 1.200 học viên về các nội dung liên quan đến công tác xây dựng nông thôn mới các cấp. Ngoài ra, cấp huyện đã tổ chức tập huấn được trên 40 lớp với trên 1.282 học viên về công tác xây dựng nông thôn mới cho cán bộ hội đoàn thể các ấp và người dân tiêu biểu trên địa bàn các xã nông thôn mới.

Qua các lớp tập huấn đã giúp cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở cấp tỉnh, huyện, xã và ban ngành đoàn thể nâng cao kiến thức và hiểu rõ hơn về mục đích, ý nghĩa, phương pháp tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới từ đó góp phần hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới của Trung ương, tỉnh đã đề ra.

4. Công tác kiểm tra, giám sát:

- Trong năm, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức kiểm tra tình hình xây dựng và công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các huyện Cầu Kè, Duyên Hải, Trà Cú, Càng Long và Ủy ban nhân dân các xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải và xã Hòa Minh, huyện Châu Thành.

- Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp các Sở, ngành tỉnh và Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã thực hiện trên 10 đợt kiểm tra rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí NTM, NTM nâng cao trên địa bàn các huyện, thị

xã, thành phố; thường xuyên kiểm tra 17 xã đăng ký đạt chuẩn xã NTM năm 2019, kiểm tra tiến độ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của huyện Cầu Kè.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

1. Kết quả thực hiện một số mục tiêu cơ bản:

- Xã nông thôn mới: Trong năm, các địa phương đã nỗ lực thực hiện các tiêu chí. Kết quả cuối 2019 có 57/85 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 67,06% (tăng 18 xã so với năm 2018, trong đó 50 xã có quyết định công nhận và 07 xã còn lại đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận); xã đạt từ 14 tiêu chí trở lên có 11 xã, chiếm tỷ lệ 12,94%; xã dưới 14 tiêu chí có 17 xã, chiếm 20%, không còn xã dưới 10 tiêu chí; Số tiêu chí đạt bình quân/xã (tính đến đầu tháng 02/2020) là 17,13 tiêu chí/xã (tăng 2,05 tiêu chí so với năm 2018);

- Xã nông thôn mới nâng cao: Kết quả thực hiện đến nay có 9/20 xã đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, đánh giá đạt 20/20 tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo Quyết định 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh, hiện đang hoàn chỉnh hồ sơ trình tỉnh thẩm định, xét công nhận. (trong đó, xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần tuy không đăng ký thực hiện ngay từ đầu năm nhưng đã phấn đấu, thực hiện hoàn thành 20 tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trong năm 2019). Các xã còn lại đạt từ 15-19 tiêu chí.

- Huyện nông thôn mới: đến nay, huyện Cầu Kè đã được Thủ tướng Chính phủ ký quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019 (tại Quyết định số 160/QĐ-TTg ngày 22/01/2020), nâng tổng số có 03 đơn vị cấp huyện (Tiểu Cần, Cầu Kè và thị xã Duyên Hải) đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

(Đính kèm PL 03, PL06)

2. Đối với ấp NTM và gia đình văn hóa, nông thôn mới:

Thực hiện Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 15/10/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh khóa IX - Kỳ họp thứ 13 về việc sáp nhập ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Qua rà soát, báo cáo của BCD các huyện, thị xã, thành phố sau khi thực hiện sáp nhập các ấp trên địa bàn các xã, toàn tỉnh hiện còn 641 ấp (giảm 41 ấp so với trước khi thực hiện).

Toàn tỉnh có 410/641 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa, ấp nông thôn mới, đạt 63,96% (tăng 93 ấp so với năm 2018); có 196.434 hộ đạt chuẩn hộ gia đình văn hóa, nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 86,35% trên tổng số hộ phát động (tăng 25.041 hộ so với năm 2018).

(Đính kèm PL 05)

3. Kết quả huy động nguồn lực:

Tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2019 là: **1.935.297 triệu đồng**, trong đó:

- Nguồn vốn Trung ương: 194.800 triệu đồng, chiếm 10,07%;

- Nguồn vốn địa phương: 401.131 triệu đồng, chiếm 20,73%;
- Nguồn vốn lồng ghép: 690.331 tr. đồng, chiếm 35,67%;
- Nguồn vốn tín dụng: 518.077 triệu đồng, chiếm 26,77%;
- Nguồn vốn doanh nghiệp: 1.155 triệu đồng, chiếm 0,06%;
- Nguồn tổ chức phi chính phủ: 7.700 triệu đồng, chiếm 0,39%;
- Nguồn vốn dân đóng góp : 122.103 triệu đồng, chiếm 6,31%.

(hiến đất, cây cối, hoa màu,...)

(Đính kèm PL 7)

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm:

4.1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới:

Đến nay, 100% số xã đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng NTM, tuy nhiên những quy hoạch đã phê duyệt từ năm 2012, đến nay cần phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Qua rà soát, hầu hết các xã đều có nhu cầu điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương và theo quy định của Trung ương. Đến nay đã có 57/85 xã đã hoàn thành công tác điều chỉnh quy hoạch theo quy định (trong đó có 41/85 xã đã có quyết định phê duyệt, còn lại 16 xã đang hoàn thiện điều chỉnh theo góp ý, chờ phê duyệt).

4.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội:

Trong năm 2019, với sự hỗ trợ từ nguồn vốn của Trung ương, địa phương và lồng ghép các chương trình, dự án, BCĐ cấp huyện, xã tích cực vận động nhân dân hiến đất, cây cối, hoa màu, ngày công lao động để thực hiện các công trình cơ sở hạ tầng nhằm hoàn thiện từng tiêu chí, cụ thể:

- Về tiêu chí Giao thông, tranh thủ nhiều nguồn vốn từ Bộ, ban ngành Trung ương và địa phương đã và đang triển khai đầu tư xây dựng 27 dự án, công trình trên địa bàn tỉnh với tổng mức đầu tư trên 1.548,58 tỷ đồng (tổng chiều dài đường 86,91 km và 42 cầu với chiều dài 1.872,04 m). Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh có 967,82/981,87 km đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện được cứng hóa, đúng theo quy định, chiếm tỷ lệ 98,5%; có 1.177,69/1.760,16km đường trục ấp và đường liên ấp được cứng hóa, chiếm tỷ lệ 66,9%; 1.020,62/1.634,33km đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiếm tỷ lệ 62,4%; 668,13/1.103,41km đường trục chính nội đồng, chiếm tỷ lệ 60,5%; về Thủy lợi thực hiện được trên 409 công trình thủy lợi nội đồng, dài trên 309.451m, khối lượng đào đắp trên 809.788 m³; về Điện đến nay trên địa bàn 85 xã có 228.481/233.375 hộ sử dụng điện an toàn, thường xuyên từ các nguồn, đạt 97,9%; về trường học, các địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc sử dụng nguồn vốn được giao và các nguồn lồng ghép khác để xây dựng cơ sở vật chất trường học, trong đó ưu tiên đầu tư các trường thuộc các xã xây dựng nông thôn mới trong năm 2019, về trường học, các địa phương đã có nhiều nỗ lực trong việc sử dụng nguồn vốn được giao và các nguồn lồng ghép khác để xây dựng cơ sở vật chất trường học, trong đó ưu tiên đầu tư các trường thuộc các

xã xây dựng nông thôn mới trong năm 2019, kết quả có 11 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia, nâng tổng số đến nay toàn tỉnh có 127/409 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 31,05%, gồm 11 trường mẫu giáo (11,82%), 04 trường mầm non (21,05%), 79 trường tiểu học (48,47%), 25 trường THCS (24,75%) và 08 trường THPT (23,52%). Trong đó, có 92 trường thuộc 85 xã.

- Về Cơ sở vật chất văn hóa đã Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi cho 20 xã với kinh phí là 800 triệu đồng; hỗ trợ lắp đặt panô tuyên truyền thực hiện tiêu chí xây dựng danh hiệu “Xã văn hóa nông thôn mới” cho 09 xã với kinh phí 193,5 triệu đồng; về Thông tin và Truyền thông nâng cấp, mở rộng mạng lưới, hạ tầng viễn thông để cung cấp các dịch vụ viễn thông và Internet đến 100% ấp, khóm phục vụ nhu cầu của người dân, toàn tỉnh có trên 300 đại lý Internet công cộng, 97.734 thuê bao Internet, 1.064 trạm BTS và 04 trạm BSC, hoàn thành dự án đầu tư cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cho 4 xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Phương Thạnh và Nguyệt Hóa; về Nhà ở dân cư hỗ trợ 600 căn nhà cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, trên địa bàn 85 xã có 204.001/230.517 căn nhà đạt chuẩn Bộ Xây dựng, chiếm tỷ lệ 88,59%;

- Về Y tế, từ nguồn vốn EU viện trợ và ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng mới 05 trạm y tế (TYT) xã, gồm có: TYT xã Trường Thọ, huyện Cầu Ngang; TYT xã Ngọc Biên, huyện Trà Cú; TYT xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải; TYT xã Đại Phúc, huyện Càng Long; TYT xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành. Đến nay, đã nghiệm thu đưa vào sử dụng 04 trạm y tế xã, còn lại trạm y tế xã Ngọc Biên dự kiến trong quý I/2020 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng; về Môi trường và an toàn thực phẩm đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 10 trạm cấp nước sinh hoạt nông thôn; nâng tổng số đến nay tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 98,5%, trong đó tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch đạt 67%. Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện 06 dự án về lĩnh vực môi trường, gồm: dự án Quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2019; Dự án nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng các dự án thuộc Trung tâm điện lực Duyên Hải đến đời sống, sản xuất của người dân và đề xuất giải pháp quản lý (đã nghiệm thu dự án); mua sắm trang thiết bị quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh; hỗ trợ cung cấp trang thiết bị và dịch vụ quan trắc, đánh giá môi trường cho trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường; Dự án hỗ trợ Xây dựng hệ thống thu gom chất thải rắn và đề xuất phương án quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Xử lý ô nhiễm môi trường bãi rác thành phố Trà Vinh... Ngoài ra Sở Tài nguyên và Môi trường đầu tư 03 lò đốt rác thải sinh hoạt xã Hoà Ân, huyện Cầu Kè - xã Mỹ Long Bắc, huyện Cầu Ngang - 04 xã đảo huyện Duyên Hải; triển khai Kế hoạch tổ chức các hoạt động “tháng hành động vì Môi trường” và Kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2019; đồng thời tổ chức 21 cuộc kiểm tra, giám sát, đánh giá chấm điểm tình hình triển khai thực hiện Chỉ thị 15-CT/TU và Kế hoạch 01/KH-UBND.

Đến nay, tiêu chí Giao thông có 79/85 xã đạt; Thủy lợi có 85/85 xã đạt; Điện có 84/85 xã đạt; Trường học có 68/85 xã đạt; Cơ sở vật chất văn hóa có

78/85 xã đạt; Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn có 84/85 xã đạt; Thông tin và Truyền thông có 85/85 xã đạt; Nhà ở dân cư có 64/85 xã đạt; Y tế có 85/85 xã đạt; Môi trường và an toàn thực phẩm có 63/85 xã đạt.

4.3. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân:

- Xác định phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, góp phần quan trọng cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập bền vững cho người dân nông thôn. Năm 2019, các địa phương đã chuyển đổi được 2.371 ha gieo trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, cây ăn quả, cây dứa, cây màu, trồng cỏ chăn nuôi bò, cho hiệu quả kinh tế cao hơn⁽¹⁾; đẩy mạnh chuyển giao các quy trình canh tác tiên tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm. Tăng cường sử dụng giống chất lượng cao, duy trì và phát triển được một số vùng sản xuất tập trung ổn định, quy mô lớn trên các loại cây trồng; đẩy mạnh áp dụng sản xuất theo quy trình VietGAP và ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực trồng trọt. Từ đó nâng mức thu nhập bình đầu người toàn tỉnh ước đạt 34,43 triệu đồng/người/năm.

- Về Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Thực hiện Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018-2020: Kết quả Sở Nông nghiệp và PTNT/Văn phòng Điều phối NTM tỉnh phối hợp các Sở, ngành có liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định sản phẩm OCOP tại Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 22/7/2019 và thành lập Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định tại Quyết định số 01/QĐ-HĐCT ngày 07/8/2019; Tham mưu tổ chức đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP, tổng hợp các sản phẩm, chấm điểm kết quả có 30 sản phẩm đạt 03 sao trở lên (27 sản phẩm đạt 03 sao, 03 sản phẩm đạt 4 sao), trình UBND tỉnh công nhận.

- Phát triển Làng nghề và ngành nghề nông thôn: Trên địa bàn tỉnh, hiện có 13 làng nghề được UBND tỉnh công nhận, trong đó có: 02 làng nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, 06 làng nghề tiểu thủ công nghiệp và 05 làng nghề chế biến thực phẩm. Năm 2019, Chi cục Phát triển nông thôn đã phối hợp với địa phương tiến hành khảo sát 02 nghề sản xuất: Bánh tráng áp Bến Có, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành và Cốm dẹp Ba So xã Nhị Trường, huyện Cầu Ngang. Qua khảo sát, 02 nghề sản xuất này chưa đủ điều kiện để công nhận làng nghề theo Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính Phủ. Về ngành nghề nông thôn, đến nay, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2018-2020 tại Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 26/4/2018.

- Phát triển các loại hình Kinh tế hợp tác: Trong năm, đã thành lập mới thêm 31 HTX, nâng tổng số đến nay trên địa bàn tỉnh có 125 HTX nông nghiệp – thủy sản, với 10.375 thành viên, vốn điều lệ 11,9 tỷ đồng. Trên địa bàn tỉnh hiện có 1.963 THT nông nghiệp hoạt động đúng theo Nghị định 151/2007/NĐ-

⁽¹⁾ Gồm: Chuyển sang trồng cây lâu năm 1.258 ha (cây ăn trái 925 ha, dứa 333 ha), sang cây hàng năm khác (màu và trồng cỏ) 991 ha, sang chuyên nuôi thủy sản 123 ha.

CP, với 36.252 thành viên tham gia, bình quân mỗi THT có 17 thành viên. Đến nay tiêu chí 13 về Tổ chức sản xuất đã có 84/85 xã đạt tiêu chí.

4.4. Giảm nghèo và an sinh xã hội:

4.4.1. Công tác Lao động – Việc làm:

- Tạo việc làm mới cho 25.040 lao động, đạt 114% kế hoạch. Phối hợp đưa 604 lao động đi làm việc ở nước ngoài⁽²⁾, đạt 151% kế hoạch. Thông qua, ngân hàng chính sách xã đã giải ngân 43 tỷ 263 triệu đồng, góp phần giải quyết việc làm thêm cho 2.219 lao động, đạt 105% kế hoạch.

- Các Trung tâm Dịch vụ việc làm phối hợp các đơn vị, doanh nghiệp tư vấn việc làm cho 49.949 lao động, giới thiệu việc làm cho 2.579 lao động. Phối hợp tổ chức tổ chức 10 cuộc Hội thảo việc làm, 37 buổi tư vấn việc làm và 11 phiên giao dịch việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm và các huyện, thị xã, thành phố, có 65 lượt doanh nghiệp, 2.269 lượt lao động tham gia.

- Cấp mới 529 giấy phép và cấp lại 197 giấy phép cho lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; xác nhận 10 trường hợp không thuộc diện cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài. Hiện nay, có 1.241 lao động người nước ngoài đang làm việc trong 22 tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.4.2. Công tác giáo dục nghề nghiệp: Triển khai và chỉ đạo các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp thực hiện tuyển sinh, đào tạo nghề cho 20.758 người⁽³⁾, đạt 109% so với kế hoạch. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65,56%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 31,2%. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh có 18 cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập, khoảng 20 doanh nghiệp tư nhân có hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

4.4.3. Công tác bảo trợ xã hội:

- Giải quyết trợ cấp xã hội hàng tháng cho 31.475 đối tượng bảo trợ xã hội tại cộng đồng. Các địa phương giải quyết kịp thời chính sách trợ giúp đột xuất các đối tượng gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn; hỗ trợ dịp Tết 23.046 hộ cận nghèo, với số tiền 6.914 triệu đồng và hỗ trợ cho 16.414 hộ nghèo vui xuân đón Tết Kỷ Hợi năm 2019, từ nguồn kinh phí vận động các tổ chức, cá nhân, với số tiền 8.928 triệu đồng.

- Đã in và cấp phát thẻ BHYT cho các nhóm đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người dân đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người dân đang sinh sống tại xã đảo với tổng số thẻ đã phát hành 520.248 thẻ, với tổng số tiền 391.915 triệu đồng.

4.4.4. Công tác giảm nghèo:

- Triển khai Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2019, kết hợp điều tra phân chia hộ nghèo theo các nhóm đối tượng trên địa bàn tỉnh,

²Gồm các thị trường: Nhật Bản: 533, Hàn Quốc: 03, Đài Loan: 64, Malaysia: 01, Đức 01 và các thị trường khác 02

³Trong đó: trình độ cao đẳng 1.118 sinh viên; trung cấp có 404 học sinh; sơ cấp, đào tạo thường xuyên, kèm cấp truyền nghề, chương trình đào tạo chuyên giao khoa học kỹ thuật là: 19.236 lao động.

tổ chức 09 hội nghị triển khai, hướng dẫn quy trình, nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho Ban chỉ đạo cấp huyện, hiện tại các địa phương đang tổ chức rà soát theo quy trình.

- Theo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2019, toàn tỉnh còn 9.214 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 3,22% so với tổng số hộ dân cư toàn tỉnh, trong đó, hộ nghèo dân tộc Khmer còn 5.394 hộ, chiếm tỷ lệ 6,05% so với tổng số hộ dân cư dân tộc Khmer (*chiếm tỷ lệ 58,54% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh*).

- Tổng số hộ cận nghèo 19.474 hộ, chiếm tỷ lệ 6,80% so với tổng số hộ dân cư, trong đó hộ cận nghèo dân tộc Khmer 10.181 hộ, chiếm tỷ lệ 11,42% so với tổng số hộ dân cư dân tộc Khmer (*chiếm tỷ lệ 52,28% so với tổng số hộ cận nghèo toàn tỉnh*).

- Hoàn thành việc giải ngân vốn thực hiện Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo (*trồng trọt và chăn nuôi*) trên địa bàn 02 xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135, có 43 hộ tham gia, trong đó có 23 hộ nghèo, 16 hộ cận nghèo và 04 hộ mới thoát nghèo, với kinh phí là 793 triệu đồng (*ngân sách Trung ương 617 triệu đồng, người dân đóng góp 176 triệu đồng*).

* Trong năm 2019, toàn tỉnh đã giảm được 7.200 hộ nghèo (*tương đương giảm 2,73% so với năm 2018*); đến nay tiêu chí số 11 về hộ nghèo đã có 64/85 xã đạt tiêu chí; tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm có 85/85 xã đạt tiêu chí.

4.5. Phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở, công tác gia đình:

4.5.1. Phát triển giáo dục:

- *Công tác phổ cập giáo dục*: Công tác phổ cập giáo dục mầm non (GDMN) cho trẻ 5 tuổi: có 9/9 huyện, thị xã, thành phố được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi năm 2019; có 106/106 đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi năm 2019; Công tác phổ cập giáo dục tiểu học (PCGDTH): có 9/9 đơn vị huyện, thị xã và thành phố đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 năm 2019; có 105/106 đơn vị xã, phường và thị trấn đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3 và xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2 năm 2019; Công tác phổ cập giáo dục trung học cơ sở (PCGDTHCS): cuối năm 2019, có 02 huyện đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3 (Càng Long, Tiểu Cần), 07 huyện, thị xã, thành phố còn lại đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 2; có 46/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 3 và 60/106 xã đạt chuẩn PCGDTHCS mức độ 2.

- *Công tác xóa mù chữ*: năm 2019 có 9/9 huyện, thị xã và thành phố đạt chuẩn xóa mù chữ mức 2; 106/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn xóa mù chữ mức 2.

- *Học sinh hoàn thành chương trình các cấp học năm học 2018-2019*: Có 12.150/12.173, đạt tỷ lệ 99,81% học sinh lớp 9 được công nhận tốt nghiệp THCS. Trong đó, tiếp tục học lớp 10 THPT, GDTX năm học 2019-2020 là

10.451 em, đạt tỷ lệ 86,01% (có 604 học sinh lớp 10 hệ giáo dục thường xuyên). Các xã tự đánh giá đều đạt tiêu chí 14 về giáo dục.

4.5.2. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa cơ sở:

- Hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố thực hiện Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Ban hành tiêu chuẩn “Áp văn hóa, ấp nông thôn mới”, “Gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 – 2020; Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020.

Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao ở tỉnh trong những năm qua tiếp tục phát triển đúng hướng và ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho Nhân dân như: Tổ chức biểu diễn 98 buổi văn nghệ; dàn dựng 03 chương trình văn nghệ; Đội chiếu phim lưu động phục vụ 21 buổi có 36.000 lượt người xem. Luân chuyển sách các điểm đọc sách Đoàn Biên phòng, Trường học, Brua điện văn hóa xã và 85 điểm phòng đọc sách các huyện, tổng cộng 22.600 bản sách, phục vụ 60.860 lượt người đọc sách, luân chuyển 92.650 lượt sách báo; Tổ chức Ngày chạy Olympic “Vì sức khỏe toàn dân năm 2019”, kết quả có 104/106 xã, phường, thị trấn tổ chức chiếm tỷ lệ 98,1%, thu hút trên 51.000 người tham gia trong đó có Lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các Sở ngành, đoàn thể cùng tham gia tạo hiệu ứng tích cực trong việc vận động mọi tầng lớp nhân dân tham gia tập luyện thể dục thể thao. Số người tham gia tập luyện thường xuyên năm 2019 đạt 33% (tăng 1% so với cùng kỳ).

Thực hiện Thông tư số 17/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch “Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét và công nhận “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”. Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức triển khai và đăng ký xây dựng xã đạt danh hiệu “xã văn hóa nông thôn mới”. Từ đó, đã làm chuyển biến tích cực ở cơ sở, góp phần làm thay đổi rõ nét ở vùng nông thôn; đời sống kinh tế của nhân dân không ngừng được nâng cao, số hộ nghèo ngày càng giảm, số hộ khá giàu tăng lên; cơ sở vật chất hạ tầng và các thiết chế văn hóa được quan tâm đầu tư xây dựng; cảnh quan, vệ sinh môi trường được cải thiện,... Đến nay, có 51/85 xã được UBND cấp huyện công nhận đạt chuẩn “Xã văn hóa nông thôn mới”, đạt 60%.

4.6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn:

- Nhìn chung về nhân lực, hiện nay tại các Trạm y tế cơ bản đảm bảo phục vụ khám, chữa bệnh và phòng bệnh theo tỷ lệ quy định 01 cán bộ y tế/2.000 dân. Trong năm 2019, Sở Y tế làm chủ đầu tư xây dựng mới 05 trạm y tế xã, gồm Trường Thọ, Ngọc Biên, Đôn Châu, Thanh Mỹ và Đại Phúc với tổng kinh phí

15,9 tỷ đồng từ nguồn vốn EU viện trợ và ngân sách tỉnh đối ứng. Đến nay, đã nghiệm thu đưa vào sử dụng 04 trạm y tế xã, còn lại trạm y tế xã Ngọc Biên dự kiến trong quý I/2020 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh đối chiếu số liệu cấp phát thẻ BHYT cho các đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người DTTS, người đang sinh sống tại ấp đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang ven biển và xã đảo. Hiện nay, trên địa bàn 85 xã các nhóm đối tượng trên được cấp 100% thẻ BHYT. Bên cạnh đó, Sở Y tế phối hợp với các ban ngành đoàn thể, đặc biệt là Bảo hiểm xã hội tăng cường công tác tuyên truyền về quyền lợi khi tham gia BHYT và vận động người dân tham gia BHYT tự nguyện, đến nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ở 85 xã đạt **95,18%**, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 9,69% (6.112/63.074 trẻ em), giảm thêm 0,45% so với năm 2018.

4.7. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 25/01/2019 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh năm 2019, Sở Nội vụ đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-SNV ngày 18/02/2019 về việc bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã năm 2019 từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Theo đó, trong năm 2019 Sở Nội vụ đã phối hợp với các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh chiêu sinh, mở 07 lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ, công chức xã với 529 lượt người tham dự. Các lớp đã mở đều đảm bảo đúng với chuyên ngành bồi dưỡng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1569/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 về việc phê duyệt Dự án bồi dưỡng công chức xã thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh năm 2019.

Trong năm 2019, Sở Tư pháp kiểm tra thực tế và có văn bản xác nhận kết quả thực hiện xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2018 (*chỉ tiêu 18.5*) đối với 18 xã gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới, Sở Nội vụ để phục vụ hoàn thiện hồ sơ đề nghị UBND tỉnh xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Đồng thời, báo cáo kết quả đạt tiêu chí nông thôn mới đối với huyện Cầu Kè theo chỉ tiêu, tiêu chí do Sở Tư pháp phụ trách gửi Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Nội vụ để lập hồ sơ trình UBND tỉnh đề nghị Trung ương xét, công nhận huyện Cầu Kè đạt chuẩn nông thôn mới. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng xã, phường, thị trấn chuẩn tiếp cận pháp luật. Sở Tư pháp đã tham mưu UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng kế hoạch thực hiện xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2019 và đã được địa phương tập trung triển khai thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, góp phần hoàn thành chỉ tiêu 18.5 về xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Đến nay, tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật đã có 72/85 xã đạt tiêu chí (*tăng 16 xã so với năm 2018*).

4.8. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn:

Tiêu chí 19 về Quốc phòng và An ninh, đến nay đã có 80/85 xã đạt tiêu chí (tăng 09 xã so với năm 2018).

- Trên lĩnh vực Quốc phòng:

Công tác củng cố hệ thống chính trị gắn với quốc phòng, an ninh được xem là nội dung quan trọng trong Chương trình xây dựng nông thôn mới được cấp ủy, chỉ huy các cơ quan, đơn vị thường xuyên phối hợp địa phương tích cực tham gia xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh (106/106 xã, phường, thị trấn). Củng cố cán bộ Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn vững mạnh, đến nay đã sắp xếp đủ biên chế cán bộ Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng cho xã, phường, thị trấn; 100% chi bộ Quân sự xã có cấp ủy và 100% chi đoàn Quân sự đi vào hoạt động có nề nếp, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Đến nay, đã xây dựng cơ bản 106/106 xã, phường, thị trấn vững mạnh về Quốc phòng – An ninh. Bên cạnh đó, công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự luôn được Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp quan tâm, thực hiện tốt. Kết quả trong năm 2019, có 1.000 thanh niên trúng tuyển, đạt 100% chỉ tiêu.

- Trên lĩnh vực An ninh trật tự xã hội nông thôn:

Công an tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị liên quan, Công an huyện, thị xã, thành phố tập trung thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Công an liên quan đến Phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, xây dựng nông thôn mới; tập trung thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, ma túy,... trên địa bàn nông thôn, nhất là các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2019.

Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các Ban, ngành, đoàn thể các cấp thực hiện hiệu quả các kế hoạch phối hợp liên ngành trong công tác phòng, chống tội phạm và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT, đã phối hợp giáo dục, cảm hóa tại gia đình và cộng đồng dân cư được 3.643 lượt đối tượng; hòa giải 626 vụ tranh chấp, mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân; tiếp nhận, quản lý, giúp đỡ 243 người chấp hành xong án phạt tù về địa phương tái hòa nhập cộng đồng; vận động nhân dân giao nộp và thu hồi 231 vũ khí, vật liệu nổ các loại; giải tán 478 điểm cờ bạc; giáo dục, giải tán 954 nhóm thanh thiếu niên tụ tập đêm khuya; xử lý 65 vụ đánh bắt thủy sản trái phép,...

- Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT:

Tổ chức hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện tốt việc xây dựng xã đạt tiêu chí “An toàn về an ninh trật tự” theo Thông tư số 23/2012/TT-BCA của Bộ Công an. Lực lượng Công an các cấp đã phối hợp với các ngành, đoàn thể liên quan thường xuyên rà soát, đánh giá chất lượng của các mô hình quần chúng tự quản về ANTT: đã nhân rộng 10 loại mô hình với 76 câu lạc bộ hoạt động hiệu quả, giải thể 10 câu lạc bộ hoạt động kém hiệu quả. Đến nay, toàn tỉnh hiện có 14 loại mô hình với 1.171 câu lạc bộ (trong đó có 10 loại mô hình và 1.026 câu lạc bộ ở địa bàn nông thôn); các mô hình hoạt động hiệu quả như: “Tuyên truyền,

giáo dục, cảm hóa đối tượng”, “Phát hiện, tố giác, vây bắt tội phạm”, “Đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ”, “Phụ nữ quản lý, giáo dục người thân trong gia đình không phạm tội và TNXH”, “Vận động, gây quỹ hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng”,... góp phần bảo đảm ANTT ở cơ sở, phục vụ công tác xây dựng nông thôn mới.

- Công tác xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã:

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Công an, Tỉnh ủy, Ban Giám đốc Công an tỉnh đã thành lập đoàn công tác tiến hành rà soát, khảo sát và triển khai Đề án bố trí Công an chính quy đảm nhiệm chức danh trưởng, phó công an xã; thực hiện tốt việc kiện toàn, củng cố lực lượng nòng cốt ở cơ sở. Đến nay, lực lượng công an xã, thị trấn có 1.881 đồng chí (gồm 95 trưởng, 204 phó, 1.582 công an viên). Qua công tác xây dựng, củng cố lực lượng Công an xã, thị trấn và lực lượng nòng cốt ở cơ sở đã góp phần bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới.

B. MẶT ĐẠT ĐƯỢC, TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Được sự quan tâm giúp đỡ của Trung ương; sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh; sự phối hợp giữa các Sở, ngành với các địa phương đã đạt được một số kết quả nổi bật như sau:

- Tỉnh ủy tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo triển khai thực hiện các Chương trình thông qua việc ban hành và lồng ghép nhiều nội dung tại các Chỉ thị, Nghị quyết, Công văn uốn nắn, nhắc nhở của Tỉnh ủy tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành chung của 3 nội dung (*Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*) nhằm sớm đạt mục tiêu đề ra.

- Các Sở, ngành tỉnh phối hợp tốt với Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh kịp thời tham mưu cho Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện các tiêu chí; thường xuyên kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện tiêu chí huyện, xã nông thôn mới, NTM nâng cao để đưa vào kế hoạch thực hiện trong năm. Đến nay, có 57 xã đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới (*tăng 18 xã so với năm 2018, trong đó 50 xã có quyết định công nhận và 7 xã còn lại đang hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận*); 03 đơn vị cấp huyện (*Tiểu Cần, Cầu Kè, thị xã Duyên Hải*) đạt chuẩn nông thôn mới và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Trong năm, các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã tiếp tục được đầu tư, sẽ tạo nhiều thuận lợi trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, cung cấp nước, điện cho sinh hoạt và sản xuất, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thông tin thị trường, tiếp cận các dịch vụ công phục vụ đời sống, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân.

- BCD các huyện, xã có sự chủ động, tập trung chỉ đạo và triển khai Chương trình; có nhiều địa phương mạnh dạn đăng ký phân đầu về đích nông

thôn mới sớm hơn kế hoạch, cụ thể như các xã của huyện Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành.

- Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao, thực hiện tốt các chính sách đối với người có công, hộ nghèo, hộ khó khăn; an ninh, trật tự xã hội được duy trì ổn định; môi trường nông thôn được cải thiện, cảnh quan khu vực nông thôn ngày càng khang trang hơn.

- Lĩnh vực sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển, xây dựng được nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả đã góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những mặt đạt được, quá trình thực hiện vẫn còn tồn tại một số hạn chế, vướng mắc như:

- Qua kết quả rà soát tiêu chí của các xã cho thấy, trong nhiều nội dung của 19 tiêu chí thuộc trách nhiệm của địa phương thực hiện còn hạn chế như: Vận động áp dụng các mô hình phát triển sản xuất, tham gia các tổ chức kinh tế hợp tác, cánh đồng lớn, mua BHYT, cảnh quan môi trường, chỉnh trang nhà ở, xóa nhà tạm,..

- Công tác giải ngân nguồn vốn Sự nghiệp kinh tế (*vốn Trung ương*) trong năm còn chậm (*tính đến 15/12/2019 chỉ đạt 30,91% kế hoạch*).

- Về phát triển sản xuất, phần lớn hộ dân tự động chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chạy theo phong trào, việc liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản giữa doanh nghiệp và nông dân cũng gặp nhiều khó khăn; ảnh hưởng dịch bệnh nên giá cả một số mặt hàng nông sản xuống thấp ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Việc chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và các kỹ thuật canh tác bền vững vào sản xuất còn ít; sản phẩm có thương hiệu, nhãn hiệu chưa nhiều; chất lượng các sản phẩm nông sản chưa đồng đều; chưa liên kết được chuỗi giá trị, sản phẩm giá trị gia tăng ít được quan tâm; chưa có nhiều mô hình gắn kết giữa sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ; giá thành sản phẩm cao, giảm khả năng cạnh tranh thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Trong xây dựng nông thôn mới việc huy động các doanh nghiệp đóng góp, tài trợ hoặc đầu tư xây dựng nông thôn mới rất hạn chế, chưa tham gia nhiều. Việc triển khai thực hiện các chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn còn chậm, hiệu quả mang lại chưa cao; chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia hỗ trợ phát triển nông nghiệp nông thôn.

- Công tác tuyên truyền các chính sách, pháp luật về giảm nghèo tuy được các ngành chức năng, các tổ chức đoàn thể quan tâm thực hiện. Song công tác tuyên truyền còn mang tính hình thức chung chung, chưa cụ thể từng chính sách, nội dung tuyên truyền chưa thiết thực, chưa đủ sức thuyết phục nhân dân, phương pháp truyền thông tại cơ sở phần lớn là một chiều, chủ yếu là tuyên truyền trên loa, đài truyền thanh; một số bộ phận người dân thuộc hộ nghèo chưa

chí thú làm ăn, ý thức và quyết tâm vươn lên thoát nghèo còn thấp, còn trông chờ vào chính sách của Nhà nước và hỗ trợ của cộng đồng.

- Công tác tái công nhận ấp Văn hóa, ấp nông thôn mới và gia đình văn hóa nông thôn mới: qua theo dõi, đánh giá nhìn chung vẫn còn một số địa phương chưa quan tâm, thực hiện việc rà soát, tái công nhận đối với các ấp, hộ gia đình đã đến hạn theo quy định (*thời hạn 3 năm*).

- Về tiêu chí Nhà ở dân cư của một số xã mặc dù được hỗ trợ xóa nhà tạm theo các chính sách của Trung ương. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hộ nằm trong đối tượng được hỗ trợ nhưng không vay vốn để xây dựng nhà (*ý lại, trông chờ Nhà nước*) làm cho số nhà ở chưa đạt chuẩn theo quy định còn nhiều.

- Việc tổng hợp báo cáo, cung cấp thông tin của các địa phương chưa kịp thời, đặc biệt không đảm bảo nội dung quy định, gây khó khăn trong công tác tổng hợp báo cáo cấp trên.

2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

- Công tác phát động thực hiện các tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; ấp văn hóa, nông thôn mới chưa được thực hiện thường xuyên liên tục, chưa sâu rộng (*chỉ tập trung vào cuối năm*) nên việc tham gia thực hiện còn nhiều hạn chế. Tuyên truyền chưa được tiến hành một cách đồng bộ, chưa đi vào chiều sâu; ở từng nơi, từng lúc cấp ủy, chính quyền địa phương buông lỏng quản lý, thiếu kiểm tra đôn đốc, hoạt động phong trào mang tính hình thức.

- Chưa có sự vào cuộc kịp thời và đồng bộ của các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh và hệ thống dọc; các địa phương (*huyện, xã*) chưa quyết liệt, chưa chủ động và đồng bộ trong việc triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nhận thức cách tiếp cận về tái cơ cấu, tư duy cũ trong nhiều lĩnh vực còn chậm thay đổi, các doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, nên việc tham gia đóng góp, tài trợ hoặc đầu tư xây dựng nông thôn mới rất hạn chế, do đó việc huy động nhiều nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn, tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế là đều hết sức khó khăn.

- Công tác rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch còn chậm, chưa đáp ứng cho yêu cầu xây dựng nông thôn mới.

- Việc đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất và các loại hình kinh tế nông thôn còn chậm; thiếu doanh nghiệp có năng lực tham gia đầu tư nhiều vào nông nghiệp và nông thôn, tham gia liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, chủ yếu là chỉ tham gia liên kết để bán vật tư đầu vào.

C. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2020

I. MỤC TIÊU

- Có 13 xã đạt chuẩn nông thôn mới, gồm: Bình Phú, Huyện Hội, Nhị Long, huyện Càng Long; Hiệp Hòa, Mỹ Hòa, huyện Cầu Ngang; Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải; Phước Hưng, Long Hiệp, Tân Hiệp, Hàm Tân, huyện Trà Cú; Song Lộc, Lương Hòa, Mỹ Chánh, huyện Châu Thành;

- Phần đầu có 01 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM (*huyện Càng Long*);
- Ít nhất có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện xây dựng đạt chuẩn NTM nâng cao theo Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của UBND tỉnh (*Trong đó, ít nhất 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu*);
- Mỗi xã tăng thêm ít nhất 02 tiêu chí so với năm 2019;
- Không còn xã dưới 14 tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;
- Nâng mức tiêu chí bình quân toàn tỉnh lên 18,12 tiêu chí/xã (*tăng 1,26 tiêu chí so với cuối năm 2019*);
- Phần đầu tăng tỷ lệ áp đạt chuẩn áp Văn hóa và áp Nông thôn mới lên mức 70%; Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Văn hóa, nông thôn mới lên mức 90%;
- 100% số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới đều được nâng chất đúng theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (*không có xã nợ tiêu chí*).

II. MỘT SỐ NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới: Thường xuyên cập nhật, phổ biến các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng NTM để nhân ra diện rộng.

2.2. Tăng cường phối hợp, hỗ trợ huyện, xã thực hiện đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao: Tập trung chỉ đạo, hỗ trợ huyện Càng Long đạt chuẩn nông thôn mới; 13 xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và 16 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2.3. Cơ bản hoàn thành, đồng thời nâng cao chất lượng hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu đã có trên địa bàn xã: (*giao thông, điện, nước sạch, trường học các cấp, trạm y tế xã, nhà văn hóa áp*), nhất là đối với những xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và tăng hưởng thụ trực tiếp cho người dân nông thôn.

2.4. Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn:

- Tập trung đẩy nhanh thực hiện Đề án tái cơ cấu nông nghiệp ở mỗi địa phương gắn với phát triển ngành nghề, thu hút đầu tư của doanh nghiệp, mở rộng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm và thu hút đầu tư;

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất;
- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu phát triển sản xuất hàng hóa ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

2.5. Nâng cao chất lượng an ninh, trật tự an toàn xã hội nông thôn:

Tập trung xử lý các điểm nóng về trật tự xã hội nông thôn; đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội.

2.6. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả các tiêu chí nông thôn mới đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn:

Nâng cao chất lượng các xã đạt chuẩn nông thôn mới đảm bảo đúng theo quy định, tránh tình trạng đánh giá các tiêu chí đạt không đúng với qui định. Coi trọng các nội dung tổ chức sản xuất, tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển ngành nghề, nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng môi trường sống xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an ninh trật tự ngày càng tốt hơn để nông thôn mới phát triển bền vững.

2.7. Hoàn thiện cơ chế, chính sách:

- Đúc kết kinh nghiệm, ban hành cơ chế lồng ghép các nguồn vốn để hỗ trợ người dân xây dựng NTM.

- Bổ sung, hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư của các doanh nghiệp về nông thôn.

- Tiếp tục triển khai “Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới” có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn của các địa phương trong giai đoạn 2016-2020.

2.8. Huy động đa dạng và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho Chương trình:

- Tiếp tục ưu tiên nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách cho các xã đặc biệt khó khăn, các xã bãi ngang ven biển có tỷ lệ hộ nghèo cao, trong đó ưu tiên nhiều hơn cho các xã có số tiêu chí đạt thấp;

- Ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, của Tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố phải chủ động dành một phần nguồn lực từ ngân sách địa phương hỗ trợ cho Chương trình xây dựng nông thôn mới;

- Có cơ chế phù hợp để huy động được nhiều nguồn lực ngoài ngân sách: tín dụng, phát triển doanh nghiệp, vận động đóng góp từ người dân (*nhưng tuyệt đối tránh việc huy động quá mức hoặc xây dựng cơ bản không có nguồn lực đảm bảo dẫn đến nợ, không có khả năng thanh toán*).

2.9. Đẩy mạnh phong trào thi đua “Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”: khen thưởng kịp thời cho các tập thể làm tốt, các cá nhân, tổ chức có đóng góp tích cực, hiệu quả cho Chương trình.

2.10. Điều hành, quản lý Chương trình:

- Thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo, văn phòng điều phối các cấp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;

- Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các đoàn thể chính trị - xã hội trong tổ chức thực hiện Chương trình.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ đạo các cấp, đối với thực hiện ở cấp dưới để đảm bảo sự phát triển đúng hướng và có hiệu quả của Chương trình.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện các Chương trình MTQG và Phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020./.

Nơi nhận:

- VPĐP NTM TW (b/c);
- Trưởng BCD tỉnh;
- Thành viên BCD tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM;
- BCD các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VPĐP.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Minh Truyền


CÁC VĂN BẢN ĐỊA PHƯƠNG BAN HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-BCĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020)

STT	Loại văn bản	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách
1	278/QĐ-UBND, ngày 22/02/2019	Quyết định số 278/QĐ-UBND, ngày 22/02/2019 của UBND tỉnh về việc thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020	Thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020	Ban hành Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định xét, công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020
2	460/QĐ-UBND, ngày 21/3/2019	Quyết định số 460/QĐ-UBND, ngày 21/3/2019 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019 - 2020	Phê duyệt đề án	Phê duyệt Đề án huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019 - 2020
3	19/QĐ-BCĐ, ngày 08/4/2019	Quyết định số 19/QĐ-BCĐ, ngày 08/4/2019 của Ban Chỉ đạo các CT MTQG và Phong trào toàn dân ĐKXDĐSVH tỉnh và việc ban hành Chương trình công tác năm 2019 của Ban Chỉ đạo các CT MTQG và Phong trào toàn dân ĐKXDĐSVH tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh	Chương trình công tác năm 2019 của BCĐ tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	Ban hành Chương trình công tác năm 2019 của BCĐ tỉnh về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
4	20/QĐ-BCĐ, ngày 08/4/2019	Quyết định số 20/QĐ-BCĐ, ngày 08/4/2019 của Ban Chỉ đạo các CT MTQG và Phong trào toàn dân ĐKXDĐSVH tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh	Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 trên địa bàn tỉnh	Hướng dẫn và quy định thời gian Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2010 - 2020 của các Sở, ngành tỉnh và địa phương trên địa bàn tỉnh
5	766/QĐ-UBND, ngày 06/5/2019	Quyết định số 766/QĐ-UBND, ngày 06/5/2019 của UBND tỉnh về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2016 - 2020	Giao vốn bổ sung giai đoạn 2016 - 2020	Ban hành Quyết định về việc giao chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn điều chỉnh, bổ sung giai đoạn 2016 - 2020
6	988/QĐ-UBND, ngày 27/5/2019	Quyết định số 988/QĐ-UBND, ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu	Ban hành và triển khai thực hiện bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

Quyết định

STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách
7		1274/QĐ-UBND, ngày 09/7/2019	Quyết định số 1274/QĐ-UBND, ngày 09/7/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bộ tiêu chí vườn mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Ban hành Bộ tiêu chí vườn mẫu trong xây dựng nông thôn mới	Ban hành và triển khai thực hiện bộ tiêu chí vườn mẫu trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
8		1959/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019	Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn "Áp văn hóa; Áp nông thôn mới"; "Gia đình văn hóa, nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	ban hành tiêu chuẩn "Áp văn hóa; Áp nông thôn mới"; "Gia đình văn hóa, nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh	Ban hành và triển khai thực hiện tiêu chuẩn "Áp văn hóa; Áp nông thôn mới"; "Gia đình văn hóa, nông thôn mới" trên địa bàn tỉnh Trà Vinh
9		2026/QĐ-UBND, ngày 09/10/2019	Quyết định số 2026/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hỗ trợ áp thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019-2020	bản hành Kế hoạch hỗ trợ áp thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019-2020	bản hành và triển khai kế hoạch hỗ trợ áp thuộc xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú) xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2019-2020
10	Kế hoạch	38/KH-UBND, ngày 09/05/2019	Kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh năm 2019	xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm	triển khai thực hiện Đề án Phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh năm 2019
11		74/UBND-NN, ngày 08/01/2019	Công văn số 74/UBND-NN, ngày 08/01/2019 về việc hỗ trợ phát triển HTX, thực hiện tiêu chí số 13 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020	hỗ trợ phát triển HTX, thực hiện tiêu chí số 13 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới	Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành có liên quan ưu tiên bố trí nguồn ngân sách thuộc CT MTQG xây dựng NTM để hỗ trợ phát triển HTX, thực hiện tiêu chí số 13 trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020
12		675/UBND-NN, ngày 04/3/2019	Công văn số 675/UBND-NN, ngày 04/3/2019 của UBND tỉnh về việc phân đầu hoàn thành các mục tiêu xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 ngay trong năm 2019	Phân đầu hoàn thành các mục tiêu xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 ngay trong năm 2019	Sở NN và PTNT phối hợp các đơn vị liên quan khẩn trương triển khai thực hiện các mục tiêu XD NTM trong năm 2019

STT	Loại văn bản	Số, ngày, tháng ban hành	Trích yếu	Mục tiêu	Nội dung chủ yếu của cơ chế chính sách
13		1136/UBND-NN, ngày 29/3/2019 	Công văn số 1136/UBND-NN, ngày 29/3/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng NTM các cấp; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; kinh phí hoạt động của BCD các cấp năm 2019	Nâng cao năng lực cho cán bộ xây dựng NTM các cấp; truyền thông về xây dựng nông thôn mới; kinh phí hoạt động của BCD các cấp năm 2019	Phê duyệt kinh phí và thời gian thực hiện dự án
14		1271/UBND-NN, ngày 08/4/2019	Công văn số 1271/UBND-NN, ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn sử dụng vốn dự phòng trung hạn 2016 - 2020 của CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Hướng dẫn sử dụng vốn dự phòng trung hạn 2016 - 2020 của CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Hướng dẫn sử dụng vốn dự phòng trung hạn 2016 - 2020 của CT MTQG xây dựng nông thôn mới
15	Công văn	1297/UBND-NN, ngày 10/4/2019	Công văn số 1297/UBND-NN, ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 thuộc CT MTQG xây dựng NTM	Đào tạo nghề cho lao động nông thôn năm 2019 thuộc CT MTQG xây dựng NTM, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề, tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn	Phê duyệt kinh phí và thời gian thực hiện dự án
16		2470/UBND-NN, ngày 03/7/2019	Công văn số 2470/UBND-NN, ngày 03/7/2019 về việc hướng dẫn tiêu chí số 20 về Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao	Chỉ đạo đơn vị phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện tiêu chí 20 về Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao	Giao Sở Nội vụ phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ địa phương thực hiện tiêu chí 20 về Hành chính công trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018-2020
17		3103/UBND-NN, ngày 15/8/2019	Công văn số 3103/UBND-NN, ngày 15/8/2019 về việc áp dụng quy trình công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Chỉ đạo áp dụng quy trình công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	Sở NN và PTNT phối hợp các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các địa phương triển khai thực hiện
18		3183/UBND-THNV, ngày 21/8/2019	Công văn số 3183/UBND-THNV, ngày 21/8/2019 của UBND tỉnh về việc hướng dẫn tiêu chí số 20 về Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao	Hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 20 về Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao	Phân công các Sở, ngành (tỉnh phụ trách hướng dẫn, hỗ trợ, kiểm tra, đánh giá tiêu chí số 20 về Hành chính công thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao
19		746-CV/TU, ngày 18/9/2019	Công văn số 746-CV/TU, ngày 18/9/2019 của Tỉnh ủy Trà Vinh về việc nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới	Nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới	Chỉ đạo các Sở, ngành và địa phương thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN TRONG NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-BCD ngày 21 tháng 02 năm 2020)



STT	Các Sở, ngành	Số cuộc	Lượt người tham dự	Nội dung
1	Ban Dân vận Tỉnh ủy	18.661	574.073	Tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về Chương trình xây dựng nông thôn mới và Phong trào Toàn dân ĐKXĐĐSVH.; 19 tiêu chí NTM, tiêu chuẩn áp nông thôn mới, tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới gắn với thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình "05 không 03 sạch", phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", "Tuổi trẻ Trà Vinh chung tay xây dựng nông thôn mới", "Sản xuất kinh doanh giỏi", ...
2	Hội Cựu Chiến binh tỉnh	1.354	19.910	Tuyên truyền một số chủ trương của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; Tuyên truyền bảo vệ môi trường lồng ghép với các đợt ra quân làm vệ sinh môi trường, tạo cảnh quang môi trường xanh, sạch, đẹp. Tuyên truyền về xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, ...
3	Sở Tư pháp	27.105	1.199.871	Tuyên truyền, phổ biến pháp luật gắn với phổ biến các quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, ...
4	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	83	36.950	Tuyên truyền hưởng ứng Ngày Quốc tế hạnh phúc (20/3), Ngày Gia đình Việt Nam (28/6) như: treo băng rôn, khẩu hiệu, họp mặt, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao... nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, của gia đình, chung sức xây dựng nông thôn mới, góp phần nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân.

STT	Các Sở, ngành	Số cuộc	Lượt người tham dự	Nội dung
5	Sở Công thương	74	5.932	Tuyên truyền về an toàn, tiết kiệm trong sử dụng điện; hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, phòng tránh tai nạn điện trong nhân dân,...
6	Tỉnh đoàn	6.125	327.846	Tuyên truyền về các hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới; những bài viết về cách làm mới, sáng tạo, hiệu quả, phản ánh những mô hình điển hình trong phong trào xây dựng NTM,...
7	Công an tỉnh	137	11.645	Tuyên truyền nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân tham gia phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, ma túy, chấp hành luật giao thông, PCCC...
8	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	35	7.138	Tham gia tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, Luật quốc phòng, Luật giáo dục quốc phòng - an ninh, Luật nghĩa vụ quân sự, Luật DQTV, Pháp lệnh DBĐV, phòng chống các tệ nạn xã hội,...
9	Ban Chỉ đạo các huyện, xã	8.152	267.557	Nội dung 19 tiêu chí xã nông thôn mới, xã văn hóa; các tiêu chuẩn áp văn hóa, áp nông thôn mới; tiêu chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới; bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao; xã nông thôn mới kiểu mẫu; áp nông thôn mới kiểu mẫu, bộ tiêu chí vườn mẫu, vận động chỉnh trang cảnh quang môi trường; xây dựng hồ xí hợp vệ sinh, xây dựng hàng rào cây xanh, phát hoang bụi rậm các tuyến đường giao thông nông thôn,...
Tổng cộng		61.726	2.450.922	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN 19 TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI 85 XÁ

(Số liệu tháng 2 năm 2020)

TT	Huyện/xã	Tiêu chí																		
		TC1 Quy hoạch	TC2 Giao thông	TC3 Thủy lợi	TC4 Điện	TC5 Tr. học	TC6 Cơ sở vật chất VH	TC7 Cơ sở hạ tầng thương mại NT	TC8 Thông tin và truyền thông	TC9 Nhà ở dân cư	TC10 Thu nhập	TC11 Hệ thống nghề	TC12 Lao động có việc làm	TC13 Tổ chức SX	TC14 Giáo dục và Đào tạo	TC15 Y tế	TC16 Văn hóa	TC17 Môi trường và ATP	TC18 Hệ thống CT và TCPL	TC19 Quốc phòng và An ninh
I	CHAU THANH	13	13	13	13	10	11	13	9	11	8	13	13	13	13	7	9	9	13	
1	Hung Mỹ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Hòa Minh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Đa Lộc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Mỹ Chánh	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Thanh Mỹ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Lương Hòa A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Lương Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Song Lộc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	Nguyệt Hóa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
10	Hòa Thuận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11	Hòa Lợi	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	Phước Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
13	Long Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
15	Long Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
II	TIEU CAN	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9	9
1	Phú Cản	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Tập Ngãi	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Hiếu Trung	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Hiếu Từ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Long Thới	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Tân Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Tân Hùng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Hùng Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	Ngãi Hùng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
III	CANG LONG	13	12	13	13	12	10	12	12	12	13	13	12	13	13	10	12	11	13	13
1	An Trường	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Nhị Long Phú	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Mỹ Cẩm	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Tân Bình	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	An Trường A	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Tân An	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Huyền Hội	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Phương Thành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	Bình Phú	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
10	Nhị Long	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11	Đại Phước	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	Đại Phúc	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
13	Đức Mỹ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
IV	CAU KE	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10
1	An Phú Tân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Châu Điền	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X



TT	Huyện/xã	Tiêu chí đạt năm 2018	Tiêu chí đạt đến tháng 02/2020	Số tiêu chí tăng/giảm	Tiêu chí																										
					TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	TC6	TC7	TC8	TC9	TC10	TC11	TC12	TC13	TC14	TC15	TC16	TC17	TC18	TC19								
3	Ninh Thới	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X					
4	Thành Phú	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
5	Thông Hòa	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
6	Tam Ngãi	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
7	Hòa An	13	19	6	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
8	Phong Thạnh	14	19	5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
9	Phong Phú	14	19	5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
10	Hoà Tân	14	19	5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X				
V	CAU NGANG				13	12	13	13	8	12	13	13	13	13	13	13	13	13	13	6	6	6	9	9	10	10	10				
1	Hiệp Mỹ Đông	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
2	Kim Hoa	12	19	7	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
3	Vinh Kim	18	19	1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
4	Mỹ Hòa	11	13	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
5	Mỹ Long Bắc	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
6	Mỹ Long Nam	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
7	Thuận Hòa	9	12	3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
8	Long Sơn	12	12	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
9	Hiệp Mỹ Tây	17	19	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
10	Thanh Hòa Sơn	11	12	1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
11	Nhị Trường	13	11	-2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
12	Trường Thọ	12	14	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
13	Hiệp Hòa	9	14	5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
VI	TRÁ CÚ				15	11	15	14	7	15	15	15	15	15	15	15	15	15	8	7	13	13	14	14	14	14	14	14			
1	Tân Sơn	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
2	Ngọc Biên	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
3	Phước Hưng	11	15	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
4	Tập Sơn	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
5	An Quang Hữu	7	11	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
6	Lưu Nghiệp Anh	12	19	7	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
7	Ngãi Xuyên	7	12	5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		
8	Kim Sơn	10	12	2	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
9	Thanh Sơn	10	13	3	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
10	Hàm Tân	10	18	8	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
11	Hàm Giang	8	12	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
12	Đại An	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
13	Định An	11	19	8	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
14	Long Hiệp	9	13	4	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
15	Tân Hiệp	12	13	1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
VII	DUYEN HAI				6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	5	4	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	
1	Đông Hải	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Long Khánh	14	19	5	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Long Vĩnh	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Ngũ Lạc	13	13	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Đôn Xuân	12	13	1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Đôn Châu	13	14	1	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

Tiêu chí

TT	Huyện/xã	Tiêu chí đạt năm 2018	Tiêu chí đạt đến tháng 02/2020	Số tiêu chí đạt	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	TC6	TC7	TC8	TC9	TC10	TC11	TC12	TC13	TC14	TC15	TC16	TC17	TC18	TC19
VIII	TX. DUYN HAI				5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5	5
1	Long Hữu	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2	Dân Thành	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Trương L. Hòa	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Long Toàn	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Hiệp Thanh	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
IX	Tp. Trà Vinh				1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
1	Long Đức	19	19	0	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tổng cộng					85	84	84	68	78	84	85	85	64	67	64	85	84	85	85	59	63	72	80



PHỤ LỤC 2: TỔNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI THEO NHÓM

(85 xã)

TT	Nhóm	Kết quả đạt tiêu chí NTM	Tính đến tháng 2/2020		Ghi chú
			Số lượng (xã)	Tỷ lệ (%)	
1	Nhóm 1	Số xã đạt 19 tiêu chí	57	67,06	
2	Nhóm 2	Số xã đạt 18 tiêu chí	1	1,18	
3		Số xã đạt 17 tiêu chí	1	1,18	
4		Số xã đạt 16 tiêu chí	0	0,00	
5		Số xã đạt 15 tiêu chí	2	2,35	
6	Nhóm 3	Số xã đạt 14 tiêu chí	7	8,24	
7		Số xã đạt 13 tiêu chí	8	9,41	
8		Số xã đạt 12 tiêu chí	7	8,24	
9		Số xã đạt 11 tiêu chí	2	2,35	
10		Số xã đạt 10 tiêu chí	0	0,00	
11		Số xã đạt 09 tiêu chí	0	0,00	
12	Nhóm 4	Số xã đạt 08 tiêu chí	0	0,00	
13		Số xã đạt 07 tiêu chí	0	0,00	
14		Số xã đạt 06 tiêu chí	0	0,00	
15		Số xã đạt 05 tiêu chí	0	0,00	
16	Nhóm 5	Số xã đạt 04 tiêu chí	0	0,00	
17		Số xã đạt 03 tiêu chí	0	0,00	
18		Số xã đạt 02 tiêu chí	0	0,00	
19		Số xã đạt 01 tiêu chí	0	0,00	
20		Số xã đạt 0 tiêu chí	0	0,00	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÃ, ÁP, HỘ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019
(Đính kèm Báo cáo số 0-1 /BC-BCĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020)



TT	Tên huyện	Xã đạt chuẩn NTM			Bình quân tiêu chí/xã	Xã dưới 12 tiêu chí	Áp, hộ gia đình văn hóa nông thôn mới			Ghi chú
		Số xã	Tên xã	Tỷ lệ (%)			áp VH, NTM	Tỷ lệ (%)	hộ gia đình VH, NTM	
1	Huyện Càng Long	13	Nhị Long Phú, An Trường, Tân Bình, Mỹ Cẩm, Đại Phước, Đức Mỹ, Đại Phúc, Phương Thạnh, Tân An, An Trường A.	76,92%	17,85	-	83	74,8	24.266	74,76
2	Huyện Cầu Ngang	13	Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Nam, Mỹ Long Bắc, Vinh Kim, Hiệp Mỹ Tây.	38,46%	15,54	1	16	17,8	27.377	83,95
3	Huyện Cầu Kè	10	An Phú Tân, Ninh Thới, Thạnh Phú, Thông Hòa, Tam Ngãi, Châu Điền, Phong Phú, Hòa An, Hòa Tân, Phong Thạnh.	100%	19	-	53	86,9	27.918	91,47
4	Huyện Châu Thành	13	Hung Mỹ, Hòa Minh, Lương Hòa A, Hòa Thuận.	30,77%	16,69	-	55	53,4	33.148	89,41
5	Huyện Duyên Hải	6	Đông Hải, Long Vĩnh.	33,33%	16,17	-	25	46,3	16.002	84,42
6	TX. Duyên Hải	5	Dân Thành, Long Hữu, Trường Long Hòa, Hiệp Thạnh, Long Toàn	100%	19	-	27	100	7.513	95,63
7	Huyện Trà Cú	15	Tân Sơn, Ngọc Biên, Tập Sơn, Đại An.	26,67%	15,6	1	70	61,4	31.577	82,95
8	Huyện Tiểu Cần	9	Phú Cần, Tập Ngãi, Hiếu Trung, Tân Hùng, Hiếu Tú, Long Thới, Hùng Hòa, Ngãi Hùng, Tân Hòa	100%	19	-	69	100	24.162	95,65
9	TP. Trà Vinh	1	Long Đức	100%	19	-	12	100	4.471	95,5
Tổng cộng		85	-			2	410		196.434	

KẾT QUẢ THỰC HIỆN 20 TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO CỦA 20 XÃ DỰ KIẾN ĐẠT CHUẨN NĂM 2019

(Số liệu đến tháng 02 năm 2020)

Tiêu chí

TT	Huyện/xã	TC1	TC2	TC3	TC4	TC5	TC6	TC7	TC8	TC9	TC10	TC11	TC12	TC13	TC14	TC15	TC16	TC17	TC18	TC19	TC20
		Thủy lợi	Điện	Tr. học	Cơ sở vật chất VH	Cơ sở hạ tầng thương mại NT	Thông tin và truyền thông	Nhà ở dân cư	Thu nhập	Hộ nghèo	Lao động có việc làm	Tổ chức SX	Giáo dục và Đào tạo	Y tế	Văn hóa	Môi trường và ATTP	Hệ thống CT và TCPL	Quốc phòng và An ninh	Hành chính công		
I	CHÂU THÀNH	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1	1	0	1	1	1
1	Hưng Mỹ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X		X	X	X
II	TIÊU CÀN	4	6	6	3	6	6	6	6	6	6	6	6	6	6	4	6	6	6	6	6
2	Phù Cản	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
3	Tập Ngãi	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
4	Hiếu Trung	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Hiếu Tư	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
6	Long Thới	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Tân Hùng	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
8	Tân Hòa (Phần đầu)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
III	CẢNG LONG	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	1	1	0	1	1	2
9	An Trường	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
10	Nhị Long Phú	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
IV	CÁU KE	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3
11	An Phú Tân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	Ninh Thới	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
13	Thanh Phú	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
V	CÁU NGANG	1	2	2	1	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
14	Hiệp Mỹ Đông	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
15	Mỹ Long Nam	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
VI	TRÀ CÚ	0	1	1	1	1	1	1	1	0	0	1	1	1	1	1	1	1	0	1	1
16	Tân Sơn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
VII	TX. DUYÊN HẢI	2	4	3	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	3	3	4
17	Long Hữu	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
18	Dân Thành	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
19	Trường L. Hòa	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
20	Long Toàn	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
VIII	Tp. Trà Vinh	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
21	Long Đức	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Tổng cộng		20	20	19	16	20	20	20	20	19	14	20	20	18	20	15	19	16	16	17	20





**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019**

(Kèm theo Báo cáo số 01 /BC-BCĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung chỉ tiêu	Kết quả huy động	Ghi chú
	TỔNG SỐ	1.935.297	
I	NGÂN SÁCH TW	194.800	
1	Đầu tư phát triển	151.000	
2	Sự nghiệp kinh tế	43.800	
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	401.131	
III	VỐN LÒNG GHÉP	690.331	
IV	VỐN TÍN DỤNG	518.077	
V	VỐN DOANH NGHIỆP	1.155	
VI	CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ VÀ VỐN KHÁC	122.103	
VII	TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ	7.700	